

Bản án số: 393/2017/HS-PT
Ngày 26 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Trần Thị Huyền Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 280/2017/HSPT ngày 08 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Lê Đình N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị hại là Ngân hàng liên doanh Việt N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Thu T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo không có kháng cáo:

Lê Đình N (Lê Đình Trung K), sinh năm 1969 tại Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: 183C206 Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V T; chỗ ở hiện nay: nhà nghỉ 26 khu đô thị C, Phường 10, thành phố V T; nghề nghiệp: môi giới nhà đất; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Đình N2 (Sinh năm: 1940 và con bà Nguyễn Thị L(Sinh năm: 1945); anh chị em ruột có 5 chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Vũ Thị Thu T, sinh năm 1985, có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/02/2016. (Có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T1- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo. (Có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: 1/ Phòng giao dịch T C Đ- Ngân hàng liên doanh Việt N1- Chi nhánh V T; Địa chỉ 562 T C Đ, Phường 8, thành phố V T.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng liên doanh Việt N1- Chi nhánh V T: ông Nguyễn Văn H- Giám đốc Ngân hàng (Có mặt).

- Bị hại không có kháng cáo:

2/ Ông Đỗ Tiến V và bà Phạm Thị H1; trú tại: 182/13/2I Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V T.(Vắng mặt))

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1/ Bà Vũ Thị Thu T, sinh năm 1985; trú tại: Đội 10, thôn Đ L, thị trấn L B, tỉnh H Y. (Xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

2/ Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978; trú tại: 14D2, đường Lương Thế V2, Phường 9, thành phố V T.(Có mặt)

3/ Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1971; trú tại: 12B1 Lầu 1, chung cư T T, Phường 9, thành phố V T.(Có mặt)

4/ Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1966; trú tại 19/8 T B T, phường N A N, thành phố V T.(Có mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; trú tại: 907 B G, Phường 10, thành phố V T.(Vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị P; trú tại: 107/27 B G, Phường 8, thành phố V T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Lê Đình N đối với ông Đỗ Tiến V số tiền 80 triệu đồng :

Năm 2008, Lê Đình N(tên khác Lê Đình Trung K) giới thiệu vợ chồng ông Đỗ Tiến V – bà Phạm Thị H1 (trú tại 182/13/2I Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V T) nhận chuyển lô đất thuộc thửa số 379, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại Hẻm 346, đường 30/4, phường R, thành phố V T của vợ chồng ông Nguyễn Tiến Đ – bà Nguyễn Thị C (trú tại 41H9, đường 30/4, Phường 9, thành phố V T). Các bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng đất năm 2008 nhưng không ghi ngày, tháng và không qua công chứng (Bút lục số 297 đến 299).

Sau đó, anh V nhờ N làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư, đồng thời tách lô đất trên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) trong tổng số 250 m² do bà C đứng tên. Anh V đã giao cho N hồ sơ giấy tờ của khu đất và 80 triệu đồng, bao gồm 78 triệu đồng là tiền đóng thuế cho Nhà nước, 02 triệu đồng là tiền dịch vụ. Ngày 13/6/2011, N đã viết giấy biên

nhận hồ sơ và số tiền 80 triệu đồng của anh V, cam kết trong thời hạn 90 ngày sẽ làm xong hồ sơ giấy tờ đất cho anh V (Bút lục 237, 238).

Sau khi nhận tiền và hồ sơ giấy tờ đất của anh V, Lê Đình N bỏ trốn khỏi nơi cư trú và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 80 triệu đồng. Ngày 09/11/2011, anh V đã có đơn tố cáo N trước cơ quan pháp luật (Bút lục số 300, 301). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã lập hồ sơ, tiến hành xác minh xác định Lê Đình N cùng vợ đã bỏ trốn khỏi nơi trú tại số 183C206, Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V T, không khai báo tạm vắng, không rõ đi đâu.

Ngày 11/02/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã bắt N theo Lệnh bắt khẩn cấp số 14 ngày 11/02/2016 (Bút lục số 06, 46) sau đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, N khai sau khi nhận hồ sơ và tiền của anh V, N không thực hiện công việc như đã cam kết và bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 80 triệu đồng để tiêu xài cá nhân (Bút lục 85 đến 113b, số 237, 238 số 296 đến 360).

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt của Lê Đình N đối với Ngân hàng Liên doanh Việt – N1 số tiền 650 triệu đồng:

Lê Đình N có thửa đất số 234 tờ bản đồ số 41 diện tích 500 m² tọa lạc tại Hẻm 34, đường H T, Phường 10, thành phố V T nhưng chưa đứng tên chủ quyền. N tự phân chia thửa đất thành 04 lô và lập Hợp Đồng Thỏa Thuận vào ngày 17/01/2011 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp đồng sở hữu (không qua công chứng) cho những cá nhân dưới đây:

1. Chuyển nhượng cho bà Võ Thị P1, sinh năm 1967, trú tại 107/27 B G, Phường 8, thành phố VT, lô đất số 1, diện tích 70 m² với giá 400 triệu đồng. Bà P1 đã giao cho N 370 triệu đồng. Số tiền 30 triệu đồng còn lại, các bên thống nhất thanh toán khi làm xong giấy tờ đất.

Sau đó, bà P1 nhờ N bán lô đất này. N đã bán lô đất cho anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978, trú tại 14D2, đường L T V, Phường 9, thành phố V T với giá 400 triệu đồng nhưng không giao lại tiền bán đất cho bà P1.

2. Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1966, trú tại 19/18 T B T, phường N A N, thành phố V T, lô đất số 2, diện tích 70 m² với giá 400 triệu đồng. Ông Q đã giao đủ tiền cho N.

3. Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966, trú tại 212B9 Khu Tập thể dầu khí đường Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố VT nhận chuyển nhượng lô đất số 3, diện tích 72m² với giá 400 triệu đồng. Bà T2 đã giao đủ tiền cho N.

Sau đó, bà T2 đã chuyển nhượng lại lô đất trên cho bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1971, trú tại 12B1 Lầu 1 Chung cư T T, Phường 9, thành phố V T với giá 540 triệu đồng (đã thanh toán 520 triệu đồng, còn lại 20 triệu đồng sẽ giao khi có giấy tờ). Bà L1 mua thêm 28 m² đất của N với giá tiền 224 triệu đồng. Bà L1 đã đưa cho N 200 triệu đồng, còn 24 triệu đồng sẽ giao khi xong giấy tờ. Tổng cộng, bà L1 đã

mua lô đất diện tích 100,1 m² với giá 764 triệu đồng, đã thanh toán 720 triệu đồng. Còn lại 44 triệu đồng, các bên thống nhất thanh toán khi làm xong giấy tờ đất.

Ngày 12/9/2011, Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 592770 đứng tên Lê Đình N, thửa đất số 234, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại Phường 10, thành phố V T có diện tích 307,4 m² (trong đó có 40 m² đất ở đô thị, 267,4 m² đất trồng cây lâu năm).

Ngày 13/9/2011, Lê Đình N cùng vợ là Vũ Thị Thu T (Bên A) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 234, tờ bản đồ số 41 diện tích 307,4 m² (qua công chứng) cho 04 ông/bà (Bên B) đã nhận chuyển nhượng theo thỏa thuận trước đó, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978; trú tại: 14D2, đường L T V, Phường 9, thành phố V T.

2. Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1971; trú tại: 12B1 Lầu 1 Chung cư T T, Phường 9, thành phố V T.

3. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1966; trú tại: 19/18 T B T, phường N A N, thành phố V T.

4. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; trú tại: 907/12 B G, Phường 10, thành phố V T.

Một số nội dung của Hợp đồng được các bên thỏa thuận như sau:

“Điều 3. Việc giao và đăng ký quyền sử dụng đất

1. Bên A chuyển giao toàn bộ diện tích thửa đất chuyển nhượng theo hợp đồng này và giấy tờ về quyền sử dụng đất cho bên B sau khi hợp đồng được công chứng.

2. Bên A có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Việc nộp thuế, lệ phí

Thuế và lệ phí liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất theo hợp đồng này Bên A nộp theo quy định của pháp luật.

.....

Điều 6. Cam đoan của các bên:

Bên A cam đoan

- Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

- Thửa đất thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên là bản chính;

- Tại thời điểm giao kết hợp đồng này thửa đất không có tranh chấp; không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; chưa đem chuyển nhượng, tặng, cho, trao đổi, thế chấp, cho thuê, góp vốn hoặc đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ nào khác;

- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

-Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong hợp đồng này”.

Hợp đồng trên đã được Công chứng viên Lê Minh Đ1 thuộc Văn phòng công chứng M Đ chứng thực số 2012 Quyền số 01/2011.TP/CC-SCC/HĐGD hồi 18 giờ 30 ngày 13/9/2011 tại nhà của Lê Đình N địa chỉ số 183-C206, Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V T với lý do vợ N (bà T) mới sinh con nhỏ nên không đến trụ sở công chứng được (Bút lục 209 đến 211).

Đến ngày 01/10/2011, Lê Đình N(Bên A) và các ông/bà (Bên B) gồm Đỗ Thị L1, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Thị H2 ký Hợp đồng Thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đồng sở hữu (không qua công chứng). Nội dung thỏa thuận như sau:

“Bên mua gồm những người sau đây (gọi là đồng sở hữu)

- Bà Đỗ Thị L1 được quyền sử dụng Lô đất số 1, diện tích 100,1 m², chiều ngang 7,6 m, chiều dài 13,88 m. Trong đó có 10 m² đất thổ cư.

- Ông Nguyễn Ngọc Q được quyền sử dụng Lô đất số 2, diện tích 70 m², chiều ngang 5, 19 m, chiều dài 13,83 m. Trong đó có 10 m² đất thổ cư.

- Ông Nguyễn Văn V1 được quyền sử dụng Lô đất số 3, diện tích 70 m², chiều ngang 5, 19 m, chiều dài 13,83 m. Trong đó có 10 m² đất thổ cư.

- Bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng Lô đất số 4, diện tích 67 m², chiều ngang 5 m, chiều dài 13,82 m. Trong đó có 10 m² đất thổ cư.

- Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là: Mỗi cá nhân có tên trên thuộc Bên B đã mua của Bên A và đã được thỏa thuận thanh toán bằng tiền mặt, cả hai bên A và B không khiếu nại nhau.

- Thuế và phí có liên quan đến việc chuyển nhượng do Bên A chịu trách nhiệm.

- Bên A có trách nhiệm làm sổ đỏ đồng sở hữu cho bên B.

- Sau khi có sổ đỏ đồng sở hữu, mỗi thành viên nói trên phải đưa cho bên A mỗi người 02 triệu đồng tiền làm sổ” (Bút lục 217).

Trong quá trình ký kết các hợp đồng trên, Lê Đình N đều thỏa thuận cam kết trong một tháng sẽ làm xong thủ tục sang tên và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng. Trong thời gian chờ Lê Đình N làm thủ tục giấy tờ đất, gia đình bà Nguyễn Thị H2 đã xây dựng một căn nhà cấp 3 và gia đình ông Nguyễn Văn V1 cũng xây dựng một căn nhà cấp 4 trên các lô đất đã mua nói trên để ở. Còn gia đình ông Q, bà L1 thì xây tường rào xung quanh và trực tiếp quản lý, sử dụng các lô đất đã mua (Bút lục số 114 đến số 169a, số 282 đến 286).

Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận tiền của 04 người có tên trên, Lê Đình N không làm thủ tục sang tên cho 04 hộ dân nói trên theo thỏa thuận đã cam kết mà đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 592770 và thửa đất số 234, tờ bản đồ số 41 thế chấp Phòng Giao dịch T C Đ Ngân hàng liên doanh Việt – N1 Chi nhánh V T, địa chỉ tại số 562 T C Đ, Phường 8, thành phố V T, tỉnh B – V (viết tắt là Ngân hàng Việt – N1) để vay 650 triệu đồng rồi chiếm đoạt như sau:

Ngày 05/10/2011, vợ chồng Lê Đình N- Vũ Thị Thu T cùng ông Đào Đình Đ2-Quyền giám đốc Ngân hàng Việt-N1 ký kết các hồ sơ tín dụng sau đây:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 77/2011/HĐTD số tiền vay 650 triệu đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 20%/năm.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2011/HĐTCTCD thửa đất số 234, tờ bản đồ số 41, diện tích 307,4 m² giá trị 908 triệu đồng, được Công chứng viên Phạm Thu L2 thuộc Phòng Công chứng số 3 Sở Tư pháp B – V chứng thực số công chứng 2181, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/10/2011.

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, được ông Nguyễn Trung Q1– Phó giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V T chứng thực ngày 05/10/2011.

- Bảng kê rút vốn vay số tiền 650 triệu đồng.

(Bút lục số 165 đến 199, 243 đến 255).

Sau khi rút 650 triệu từ Ngân hàng Việt - N1, Lê Đình N đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền trên.

Sau khi Lê Đình N bỏ trốn, các ông/bà Đỗ Thị L1, Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn V1, Võ Thị P1 đã gửi đơn tố cáo Lê Đình N đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu. Ngân hàng Việt - N1 cũng đã nộp đơn khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu. Sau khi thụ lý, Tòa án thành phố Vũng Tàu đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 05/2016/TĐC-ST ngày 11/3/2016, đợi kết quả giải quyết vụ án hình sự đối với Lê Đình N theo quy định (Bút lục số 56, số 85 đến 164a).

*** Vật chứng:**

- Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu là Giấy biên nhận hồ sơ, Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất, Giấy biên nhận đặt cọc... do ông Đỗ Tiến V, bà Đỗ Thị L1, ông Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Văn V1... giao nộp. Những tài liệu trên đã chuyển theo hồ sơ vụ án (Bút lục 73, 77, 79, 80; số 196 đến 258).

- Cơ quan điều tra cũng thu giữ của Lê Đình N 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Masstel, đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh quản lý (Bút lục 74).

Với hành vi nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình N (Lê Đình Trung K) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình N 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015. Tổng hợp hình phạt chung của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo Lê Đình N phải chấp hành mức án chung là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2016.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2017, Ngân hàng Liên doanh Việt - N1 có đơn kháng cáo đề N xác định Ngân hàng Liên doanh Việt – N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xác định Ngân hàng Liên doanh Việt – N1 có quyền hợp pháp đối với tài sản thế chấp đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật và Ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngày 19/5/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Thu T có đơn kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, đề nghị hủy bỏ trách nhiệm liên đới của bà đối với hành vi phạm tội của Lê Đình N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng Liên doanh Việt – N1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Hội đồng xét xử phúc thẩm cần nhắc vì bản án sơ thẩm xác định tư cách tham gia tổ tụng không đúng. Bị cáo bị khởi tố và truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị cáo có trách nhiệm trả số tiền cho hành vi phạm tội của bị cáo. Vợ bị cáo không có trách nhiệm hình sự nên không thể có trách nhiệm liên đới bồi thường. Phần quyết định của bản án hình sự giải quyết nhiều vấn đề không đúng quy định của bản án hình sự như công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 307,4 m² đất thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại Hẻm 34, đường H T, phường 10, TP V T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 592770 do UBND TP V T cấp ngày 12/9/2011 giữa Lê Đình N với các ông/bà Nguyễn Văn V1, Đỗ Thị L1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Ngọc Q được Văn phòng công chứng MĐ chứng thực số 2012 Quyền số 01/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2011 là hợp pháp; Tuyên bố: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 77/2011/HĐTCTCD được ký kết giữa Lê Đình N, Vũ Thị Thu T với Ngân hàng Liên doanh Việt - N1 ngày 05/10/2011 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 77/2011/HĐTD được ký kết giữa Lê

Đình N, Vũ Thị Thu T với Ngân hàng Liên doanh Việt - N1 ngày 05/10/2011 bị vô hiệu trong khi đương sự không có yêu cầu. Bản án sơ thẩm chưa làm rõ trách nhiệm của công chứng và bà T. Đề nghị hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm và tranh luận với luật sư: Ngân hàng liên doanh Việt N1 là bị hại là đúng. Bà T không có ý thức thực hiện hành vi lừa đảo cùng với N nên không xử lý trách nhiệm hình sự với N. Về trách nhiệm dân sự, bà T có ký các thủ tục vay, thế chấp nên bà T phải có trách nhiệm cùng với N, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T. Giữa bị cáo N, bà T với Ngân hàng có ký kết hợp đồng vay, thế chấp tài sản. N đã biết tài sản vợ chồng N đã chuyển cho Q, L1, H2 và V1, bị cáo lại thực hiện hành vi gian dối với Ngân hàng để Ngân hàng cho vay nên Ngân hàng liên doanh Việt N1 là bị hại là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại điều luật theo điều luật của Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng Điều 139 và 140 Bộ luật hình sự năm 1999, bác kháng cáo của Ngân hàng liên doanh Việt N1 và bà T, giữ nguyên án sơ thẩm. Về những sai sót của cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát không tranh luận với luật sư vì Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì về quan điểm bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo muốn đi thi hành án hình phạt tù vì bị cáo tạm giam quá lâu.

Đại diện hợp pháp của người bị hại có ý kiến như sau: Ngân hàng thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa.

Ông V1, ông Q trình bày: Không đồng ý với quan điểm của luật sư, vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo và bên nhận chuyển nhượng được công chứng chứng thực; sau đó N mới đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp tục thế chấp cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Bà L1 trình bày: Bà L1 xác định việc Ngân hàng bị lừa dối cũng có một phần lỗi của Ngân hàng khi không khảo sát, thẩm định lô đất vì bà L1 đã xây dựng công trình, nhà ở trên đất từ khoảng tháng 6, 7/2011. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại là Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Bị cáo Lê Đình N không có kháng cáo nhưng do kháng cáo của người bị hại là Ngân hàng liên doanh Việt N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Thu T có liên quan đến việc Hội đồng xét xử sơ thẩm định tội danh đối với bị cáo Lê Đình N nên theo quy định tại Điều 241 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử xem xét lại nội dung vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử hành vi của bị cáo là đúng, cụ thể:

[2.1] Đối với hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” 80.000.000đồng của anh Đỗ Tiến V: Ngày 13/6/2011, bị cáo viết giấy biên nhận hồ sơ và nhận số tiền 80.000.000 đồng của anh Đỗ Tiến V để làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa sang tên lô đất anh V nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị C trong thời hạn 90 ngày. Sau khi nhận hồ sơ và 80.000.000 đồng của anh V, bị cáo đã không làm gì cả mà bỏ trốn chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

[2.2] Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Phòng giao dịch T C Đ, Ngân hàng Liên doanh Việt-N1 Chi nhánh V T (viết tắt là Ngân hàng Việt-N1): Ngày 13/9/2011, bị cáo đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích 307,4 m² đất thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại Hẻm 34, đường H T, Phường 10, thành phố V T do N đứng tên chủ quyền theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 592770 do UBND thành phố V T cấp ngày 12/9/2011 cho các ông/bà Nguyễn Văn V1, Đỗ Thị L1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Ngọc Q nhận chuyển nhượng được Văn phòng công chứng M Đ chứng thực số 2012 Quyền số 01/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2011. Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng đất và nhận tiền của các cá nhân nêu trên, theo cam kết của hợp đồng thì N có trách nhiệm làm sổ đỏ đồng sở hữu cho người nhận chuyển nhượng QSDĐ (bên B). Nhưng Lê Đình N không làm thủ tục sang tên tại cơ quan có thẩm quyền, mà tiếp tục đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 592770 và thửa đất số 234 tờ bản đồ số 41 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2011/HĐTCTCD tại Phòng Giao dịch T C Đ Ngân hàng liên doanh Việt-N1 Chi nhánh VT theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 77/2011/HĐTD ngày 05/10/2011 vay 650 triệu đồng rồi chiếm đoạt số tiền trên và bỏ trốn.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng, bà T, đề nghị của luật sư bào chữa và việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lê Đình N 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Phòng giao dịch T C Đ, Ngân hàng Liên doanh Việt-N1 Chi nhánh V T là bị hại là không đúng pháp luật vì Phòng giao dịch T C Đ, Ngân hàng Liên doanh Việt-N1 Chi nhánh VT không có tư cách pháp nhân. Ngân hàng Liên doanh Việt-N1 mới có đầy đủ tư cách pháp nhân để tham gia tố tụng trong vụ án. Việc xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự,

xác định phạm vi kháng cáo. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ ý thức chủ quan của bà Vũ Thị Thu T là vợ của bị cáo Lê Đình N khi ký vào hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng vay, thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch bảo đảm, việc sử dụng tiền vay của Ngân hàng để xác định bà T có đồng phạm với Lê Đình N hay không. Bà Vũ Thị Thu T nếu có đồng phạm với Lê Đình N trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng thì mới cùng chịu trách nhiệm dân sự với Lê Đình N. Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi chiếm đoạt trong vụ án hình sự là không đúng pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có vi phạm như sau: tại thời điểm xét xử, Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm c khoản 2 Điều 175, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo và áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt là không đúng, trong khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Lê Đình N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và truy tố bị cáo Lê Đình N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên Hội đồng xét xử thống nhất hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa tham gia phiên tòa đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm, các đương sự không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ xem xét giải quyết việc đã ban hành Quyết định thi hành án phạt tù đối với bị cáo Lê Đình N theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HS-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xét xử lại.

Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý lại vụ án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: không ai có trách nhiệm thi hành.

3. Trả lại số tiền tạm nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho bà Vũ Thị Thu T theo Biên lai thu tiền số 0005728 ngày 19/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT (2); T/đ bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu, 22b.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương